

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 52/2007/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH
chế độ báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch
vốn đầu tư nhà nước

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ
ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước
ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29 tháng 11
năm 2005;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế
hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối
tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Vốn đầu tư nhà nước quy định tại
Quyết định này gồm: vốn đầu tư phát
triển thuộc nguồn ngân sách nhà nước;
vốn công trái; vốn trái phiếu Chính phủ;
vốn tín dụng đầu tư phát triển nhà nước.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị sử dụng vốn đầu
tư nhà nước báo cáo tình hình thực hiện
kế hoạch vốn đầu tư nhà nước theo quy
định của Quyết định này.

Điều 2. Báo cáo kết quả phân bổ vốn
đầu tư nhà nước hàng năm

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan
thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung
ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố
trực thuộc Trung ương và các tổ chức
khác sử dụng vốn đầu tư nhà nước quy
định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định này
báo cáo: kết quả phân bổ vốn đầu tư nhà
nước theo ngành, lĩnh vực, chương trình
và dự án cụ thể; vốn dùng để thanh toán
nợ khối lượng xây dựng cơ bản; vốn
dùng để hoàn trả các khoản tạm ứng và
ứng trước cho đầu tư phát triển; thuyết
minh cụ thể về phương án phân bổ vốn

đầu tư nhà nước kèm theo các văn bản phê duyệt kế hoạch phân bổ.

2. Ngân hàng Phát triển Việt Nam báo cáo:

a) Vốn điều lệ của Ngân hàng đến thời điểm báo cáo;

b) Kế hoạch huy động vốn hàng năm;

c) Kế hoạch tín dụng đầu tư nhà nước, tín dụng xuất khẩu, bao gồm: cho vay đầu tư, bảo lãnh tín dụng đầu tư, hỗ trợ lãi suất sau đầu tư theo ngành, lĩnh vực, chương trình và dự án;

d) Kế hoạch bù lãi suất tín dụng đầu tư.

3. Bộ Tài chính báo cáo: tình hình đăng ký kế hoạch để cấp phát vốn đầu tư thuộc nguồn ngân sách nhà nước, công trái và trái phiếu Chính phủ; kết quả thu hồi các khoản tạm ứng và chi ứng trước cho đầu tư phát triển.

4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp các báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này, báo cáo tổng hợp kết quả phân bổ vốn hàng năm, trong đó nêu rõ những tồn tại, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân và đề xuất các giải pháp xử lý.

Điều 3. Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư nhà nước

1. Báo cáo tháng:

a) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan

thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư theo nguồn vốn của các dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A trong tháng báo cáo và lũy kế đến tháng báo cáo;

b) Ngân hàng Phát triển Việt Nam báo cáo kết quả thực hiện và giải ngân vốn tín dụng đầu tư nhà nước trong tháng báo cáo và lũy kế đến tháng báo cáo;

c) Bộ Tài chính báo cáo tình hình: giải ngân vốn đầu tư phát triển thuộc nguồn ngân sách nhà nước, vốn công trái, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn vay và vốn viện trợ của nước ngoài; sử dụng dự phòng ngân sách trung ương và Quỹ dự trữ tài chính của Trung ương; tạm ứng và chi ứng trước cho đầu tư phát triển trong tháng báo cáo và lũy kế đến tháng báo cáo;

d) Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp các báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản này, báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư nhà nước hàng tháng và lũy kế đến tháng báo cáo, trong đó nêu rõ những tồn tại, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân và đề xuất các giải pháp xử lý.

2. Báo cáo quý và 6 tháng:

a) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung

ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức khác quy định tại khoản 2 Điều 1 Quyết định này báo cáo:

- Kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư theo từng nguồn vốn;

- Đối với dự án quan trọng quốc gia và dự án nhóm A: chi tiết khối lượng thực hiện, kết quả giải ngân vốn đầu tư nhà nước của từng dự án; riêng báo cáo 6 tháng và quý III phải có ước thực hiện so với kế hoạch năm;

- Tổng hợp khối lượng thực hiện, kết quả giải ngân vốn đầu tư nhà nước của các dự án nhóm B và C;

- Những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân và đề xuất các giải pháp xử lý.

b) Ngân hàng Phát triển Việt Nam báo cáo:

- Tình hình huy động vốn;

- Vốn điều lệ của Ngân hàng tại thời điểm báo cáo;

- Tổng hợp khối lượng thực hiện và kết quả giải ngân nguồn vốn tín dụng đầu tư nhà nước, vốn tín dụng xuất khẩu;

- Chi tiết khối lượng thực hiện và kết quả giải ngân nguồn vốn tín dụng đầu tư nhà nước của các dự án quan trọng quốc gia và các dự án nhóm A.

c) Bộ Tài chính báo cáo tình hình: cấp

phát và giải ngân vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước, vốn công trái, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn vay và vốn viện trợ của nước ngoài; sử dụng dự phòng ngân sách trung ương và Quỹ dự trữ tài chính của Trung ương; tạm ứng và chi ứng trước kế hoạch cho đầu tư phát triển; huy động vốn công trái và vốn trái phiếu Chính phủ;

d) Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp các báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản này, báo cáo tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư nhà nước, trong đó nêu rõ những tồn tại, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân và đề xuất các giải pháp xử lý.

3. Báo cáo năm:

a) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức khác quy định tại khoản 2 Điều 1 Quyết định này báo cáo:

- Tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư nhà nước theo nguồn vốn, theo ngành và lĩnh vực;

- Chi tiết khối lượng thực hiện và kết quả giải ngân của từng dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A; tổng hợp khối lượng thực hiện và kết quả giải ngân của các dự án nhóm B và C;

- Những tồn tại, khó khăn, vướng mắc,

nguyên nhân và đề xuất các giải pháp xử lý.

b) Ngân hàng Phát triển Việt Nam báo cáo:

- Tình hình huy động vốn;
- Vốn điều lệ của Ngân hàng tính đến ngày 31 tháng 12 hàng năm;
- Tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch vốn tín dụng đầu tư nhà nước, vốn tín dụng xuất khẩu;
- Khối lượng thực hiện và kết quả giải ngân vốn tín dụng đầu tư nhà nước, vốn tín dụng xuất khẩu theo ngành, lĩnh vực;
- Chi tiết khối lượng thực hiện và kết quả giải ngân vốn tín dụng đầu tư nhà nước của từng dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A.

c) Bộ Tài chính báo cáo tình hình: cấp phát và giải ngân vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước cả năm theo ngành, lĩnh vực; giải ngân của các dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A; huy động và sử dụng vốn công trái, vốn trái phiếu Chính phủ; giải ngân vốn vay và vốn viện trợ của nước ngoài; sử dụng dự phòng ngân sách trung ương và Quỹ dự trữ tài chính của Trung ương; tạm ứng và chi ứng trước kế hoạch cho đầu tư phát triển;

d) Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp các báo cáo quy định tại các điểm a, b

và c khoản này, báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư nhà nước hàng năm, trong đó nêu rõ những tồn tại, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân và đề xuất các giải pháp xử lý.

Điều 4. Thời hạn gửi báo cáo và cơ quan nhận báo cáo

1. Báo cáo kế hoạch phân bổ vốn đầu tư nhà nước hàng năm

a) Trước ngày 31 tháng 12 của năm trước năm kế hoạch, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ngân hàng Phát triển Việt Nam và các tổ chức khác quy định tại khoản 2 Điều 1 Quyết định này gửi báo cáo quy định tại các khoản 1 và 2 Điều 2 Quyết định này đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính;

b) Trước ngày 31 tháng 01 của năm kế hoạch, Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo quy định tại khoản 3 Điều 2 Quyết định này;

c) Trước ngày 28 tháng 02 của năm kế hoạch, Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Thủ tướng Chính phủ và gửi Bộ Tài chính báo cáo quy định tại khoản 4 Điều 2 Quyết định này.

2. Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư nhà nước

a) Báo cáo tháng:

- Trước ngày 20 hàng tháng, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ngân hàng Phát triển Việt Nam gửi báo cáo quy định tại các điểm a và b khoản 1 Điều 3 Quyết định này đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính;

- Trước ngày 22 hàng tháng, Bộ Tài chính gửi báo cáo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 3 Quyết định này đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

- Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Chính phủ tại các phiên họp Chính phủ thường kỳ hàng tháng về tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư nhà nước quy định tại điểm d khoản 1 Điều 3 Quyết định này.

b) Báo cáo quý và 6 tháng:

- Trước ngày 20 của tháng cuối quý, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ngân hàng Phát triển Việt Nam và các tổ chức khác quy định tại khoản 2 Điều 1 Quyết định này gửi báo cáo quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 3 Quyết định này đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính;

- Trước ngày 22 của tháng cuối quý, Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính

phủ và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 3 Quyết định này;

- Trước ngày 28 của tháng cuối quý, Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Thủ tướng Chính phủ nội dung quy định tại điểm d khoản 2 Điều 3 của Quyết định này.

c) Báo cáo năm:

- Trước ngày 10 tháng 02 của năm sau năm thực hiện kế hoạch, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ngân hàng Phát triển Việt Nam và các tổ chức khác quy định tại khoản 2 Điều 1 Quyết định này gửi báo cáo quy định tại các điểm a và b khoản 3 Điều 3 Quyết định này đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính;

- Trước ngày 20 tháng 02 của năm sau năm thực hiện kế hoạch, Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 3 Quyết định này;

- Trước ngày 28 tháng 02 của năm sau năm thực hiện kế hoạch, Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Thủ tướng Chính phủ nội dung quy định tại điểm d khoản 3 Điều 3 Quyết định này.

Điều 5. Đối với đầu tư sử dụng nguồn thu được quản lý qua ngân sách, bao gồm cả phí, lệ phí, quảng cáo truyền hình, xổ

số kiến thiết: các Bộ, ngành, địa phương gửi báo cáo tổng hợp kế hoạch sử dụng và tình hình thực hiện đầu tư hàng năm đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính.

Điều 6. Hình thức gửi báo cáo

Các báo cáo quy định tại các Điều 2, 3 và 5 Quyết định này được gửi bằng đường công văn, phách (fax) và thư điện tử.

Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn cụ thể việc thực hiện các hình thức gửi báo cáo.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan, đơn vị sử dụng vốn đầu tư nhà nước chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện chế độ báo cáo quy định tại Quyết định này, bảo đảm báo cáo đầy đủ nội dung và đúng thời hạn quy định.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, tổng hợp báo cáo Chính phủ và Thủ tướng

Chính phủ tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư nhà nước trong phạm vi cả nước theo quy định của Quyết định này.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

2. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành các biểu mẫu báo cáo và hướng dẫn thực hiện Quyết định này.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các tổ chức khác sử dụng vốn đầu tư nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng